

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2023

V/v tranh chấp “quyền về tưới nước,
tiêu nước trong canh tác”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sương
2. Ông Nguyễn Hoàng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: “ *quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1956 (có mặt).

1.2. Ông **Trịnh Văn B**, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Kim T1**, sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Kim N**, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim N: Bà **Nguyễn Kim T1**, sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/7/2023) (có mặt).

3.2. Bà **Lê Thạch S**, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

3.3. Bà **Thái Thị Tuyết N1**, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

3.4. Ông **Võ Thanh S1**, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:* Ông và vợ là bà Lê Thạch S đứng tên QSD đất thửa số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 3025,1m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Đất của ông giáp nối với rạch Bà Hai T2 và với đất của bà Nguyễn Kim T1 là đường nước (tại vị trí mốc 5 - theo giấy chứng nhận QSD đất của ông); bà T1 mua đất của bà Nguyễn Kim N nhưng chưa được đứng tên QSD đất thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên. Ông sử dụng đường nước từ năm 1988 đến nay (thời điểm mua của người khác) không ai ngăn cản, tranh chấp. Hiện nay bà T1 dùng lưới B40 rào phần đất tiếp giáp đất ông làm cản trở dòng chảy dẫn nước vào đường dẫn nước qua đất ông. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ phần lưới B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên rạch Bà Hai T2 (theo sơ đồ - biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2023) để ông có nước tưới tiêu vườn cây ăn trái.

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Văn B trình bày:* Ông có quyền sử dụng đất thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 4257,7m², loại đất ONT-CLN, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do hộ bà Thái Thị Tuyết N1 và ông Trịnh Văn B đứng tên quyền sử dụng đất (có đăng ký sổ mục kê theo bản đồ địa chính chính quy, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Đất của ông giáp với đất của ông Phạm Văn T thửa đất số 211, không giáp với đất của bà T1. Ông sử dụng chung đường nước với ông T (từ đất ông T qua đất ông); ông sử dụng từ khoảng năm 1971 đến nay. Hiện nay bà T1 dùng lưới B40 rào phần đất tiếp giáp đất ông T làm cản trở dòng chảy dẫn nước vào đường dẫn nước qua đất ông T, từ đó làm cản trở dòng chảy dẫn nước vào đường dẫn nước qua đất ông. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ phần lưới B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên rạch Bà Hai T2 (theo sơ đồ - biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2023) để ông có nước tưới tiêu vườn cây ăn trái (từ đường nước của ông T).

- *Tại bản khai ngày 06/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Kim T1 trình bày:* Đất của bà thuộc thửa số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên QSD đất (bà mua đất của bà N nhưng chưa làm

thủ tục đứng tên QSD đất). Đất của bà có giáp ranh với đất của ông T thừa đất số 211 là đường nước; hai bên sử dụng chung đường nước này. Bà xác định bà có rào lưới B40 trên phần đất của bà, không làm ảnh hưởng đến đường nước hay ngăn dòng chảy dẫn nước vào đất của ông T. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B.

- *Tại bản khai ngày 06/7/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim N có đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Kim T1 trình bày:*

Thừa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên QSD đất. Năm 2009 bà N thỏa thuận chuyển nhượng cho bà T1 thửa 241 (nêu trên) bằng giấy tay, chưa thực hiện thủ tục theo quy định. Bà N đã nhận đủ tiền và giao đất cho bà T1 canh tác đến nay; do đó việc tranh chấp quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác giữa ông T, ông B với bà T1 đối với thửa 241 thì bà N không có ý kiến. Bà N không tranh chấp với bà T1 về việc chuyển nhượng thửa 241.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thạch S trình bày:* bà là vợ ông Phạm Văn T, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Tuyết N1 trình bày:* bà là vợ ông Trịnh Văn B, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông B.

- *Tại văn bản ngày 31/8/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh S1 trình bày:* ông là chồng bà Nguyễn Kim T1. Ông thống nhất ý kiến của bà T1 về việc không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T và ông B.

- *Tại phiên tòa:* các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, 98, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 253 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 171 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ, di dời phần lưới rào B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên giấy chứng nhận QSD đất (kèm theo biên bản xem xét thẩm

định tại chỗ ngày 17/8/2023). Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B mỗi người phải chịu 250.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ phần lưới rào B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên quyền sử dụng đất - hiện do bà Nguyễn Kim T1 quản lý sử dụng (theo sơ đồ - biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2023) để các ông có nước tưới tiêu vườn cây ăn trái. Do đó, đây là tranh chấp “*quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác*” thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện B theo quy định tại khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thạch S, bà Thái Thị Tuyết N1 và ông Võ Thanh S1 yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ phần lưới rào B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên quyền sử dụng đất - hiện do bà Nguyễn Kim T1 quản lý sử dụng (theo sơ đồ - biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2023) để các ông có nước tưới tiêu vườn cây ăn trái. Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 3025,1m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Phạm Văn T và bà Lê Thạch S đứng tên QSD đất giáp với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Kim N đứng tên - hiện do bà Nguyễn Kim T1 quản lý sử dụng (bà T1 nhận chuyển nhượng của bà N nhưng chưa thực hiện thủ tục theo quy định). Giáp ranh giữa thửa đất số 211 và thửa đất số 241 là lối dẫn nước (đường nước) do hộ ông T và bà T1 sử dụng chung để tưới nước trong việc canh tác đất. Ngoài ra giáp ranh với thửa đất số 211 là thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 4257,7m², loại đất ONT-CLN, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do hộ bà Thái Thị Tuyết N1 và ông Trịnh Văn B đăng ký sổ mục kê theo bản đồ địa chính chính quy, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ông B sử dụng chung lối dẫn nước từ đất ông T. Hiện trạng sử dụng lối dẫn nước, bà T1 có làm hàng rào lưới B40. Thực tế việc rào lưới B40 của bà T1 không ngăn cản hoặc làm ảnh hưởng đến dòng chảy của lối dẫn nước nêu trên; bà T1 rào lưới để bảo quản tài sản của bà; hiện trạng bà T1, ông T và ông B sử dụng chung lối dẫn nước bình thường. Việc ông T dự đoán bà T1 sắp tới sẽ đắp bờ ngăn lối dẫn nước là

không có căn cứ. Mặt khác, thửa đất số 211 của ông Phạm Văn T có giáp kinh (rạch công cộng) (tại vị trí khác) chiều dài 14,77m. Do đó việc ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ phần lưới B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên thửa đất số 241 để các ông có lối dẫn nước tưới tiêu vườn cây ăn trái là không có căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B mỗi người phải chịu 250.000 đồng. Ông T và ông B đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B đều là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 253 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 171 Luật đất đai năm 2013; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 tháo dỡ phần lưới rào B40 chiều dài 2,5m chiều cao 1,5m trên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 758,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (trên rạch Bà Hai T2) do bà Nguyễn Kim N đứng tên quyền sử dụng đất - hiện do bà Nguyễn Kim T1 quản lý sử dụng (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2023).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B mỗi người phải chịu 250.000 đồng. Ông T và ông B đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Phạm Văn T và ông Trịnh Văn B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

